TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 317/2019/QĐST-DS	*Củ Chi, ngày 12 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 239/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 24/10 đường N, tổ 6, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Số 18 đường N, tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.2. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số 189 đường T, tổ 4, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.3. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 319 Tỉnh lộ 7, tổ 10, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.4. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: Số 21/2 đường N, tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Số 21/2D đường N, tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.6. Bà Nguyễn Thị Â, sinh năm: 1975;

Địa chỉ: Đường N, tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2.7. Ông Nguyễn Văn Ấ, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 21/2A đường N, tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1992;

3.2. Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm: 1993.

Cùng địa chỉ: Số 24/10 đường N, tổ 6, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Lê Thị M, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Â, ông Nguyễn Văn Ẩ, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu B thống nhất như sau:

- Những người thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn C2, sinh năm: 1971, mất năm: 2012 bao gồm: Bà Nguyễn Thị A (mẹ ruột ông C2), bà Lê Thị M (vợ ông C2), ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu B (02 con của ông Cu và bà Mảo);

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm: 1934, mất năm: 2015, các bên thỏa thuận những người thừa kế di sản của bà A (trong phần di sản bà A nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn C2) là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Â, ông Nguyễn Văn Ẩ.

- Di sản ông Nguyễn Văn C2 để lại là phần đất có diện tích 1.006m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 1011,4m^2), nằm trong tổng diện tích 2.012m^2 (đo đạc thực tế có diện tích 2.022,7m^2), thuộc thửa 119-1, 120-1 và 120-2, tờ bản đồ số 8 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2.

2.2. Bà Lê Thị M được tiếp tục quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 1.011,4m^2, thuộc thửa 120-1, 120-2, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2. Trên quyền sử dụng đất có các công trình sau:

- 01 căn nhà cấp 4 diện tích 40,3m^2 có kết cấu mái lợp tole, tường gạch xây tô, nền gạch tàu;

- 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 31,7m^2 có kết cấu mái lợp tole, vách gỗ, nền gạch tàu;

- 01 nhà vệ sinh có diện tích 2,7m^2;

- 02 chuồng gà có tổng diện tích 23,6m^2.

Quyền sử dụng đất và các công trình phụ nêu trên thuộc khu 1 bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng T.

2.3. Bà Lê Thị M được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 252,9m^2, thuộc thửa 119-1, 120-1 tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2. Mục đích sử dụng đất là đất màu, trị giá đất là 500.000đ/m^2 x 252,9m^2 = 126.450.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi ngàn

đồng).

Quyền sử dụng đất thuộc khu 2 bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ H.

2.4. Ông Nguyễn Hữu B được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 252,8m^2, thuộc thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2. Mục đích sử dụng đất là đất màu, trị giá đất là 500.000đ/m^2 x 252,8m^2 = 126.400.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Quyền sử dụng đất thuộc khu 3 bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng T.

2.5. Ông Nguyễn Hữu T được toàn quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 252,8m^2, thuộc thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2. Mục đích sử dụng đất là đất màu, trị giá đất là 500.000đ/m^2 x 252,8m^2 = 126.400.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Quyền sử dụng đất thuộc khu 4 bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng T.

2.6. Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Â và ông Nguyễn Văn Ẩ được toàn quyền đồng quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất có diện tích 252,8m^2, thuộc thửa 119-1, tờ bản đồ số 8, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2. Mục đích sử dụng đất là đất màu, trị giá đất là 500.000đ/m^2 x 252,8m^2 = 126.400.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Quyền sử dụng đất thuộc khu 5 bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 27/8/2018 của Công ty TNHH MTV Thiết kế xây dựng đo đạc bản đồ Hoàng T.

2.7. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 654278, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 133/QSDĐ/HTH, ngày 23/7/2002 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn C2 để các bên đương sự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài sản gắn liền với đất đã được phân chia như trên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí 3.161.250đ (Ba triệu một trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng) bà Lê Thị M phải chịu. Bà Lê Thị M đã nộp tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0032570 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi nên được cấn trừ, bà Mảo được hoàn lại 6.838.750đ (Sáu triệu tám trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Án phí 3.160.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) ông Nguyễn Hữu B phải chịu.

- Án phí 3.160.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) ông Nguyễn Hữu T phải chịu.

- Án phí 3.160.000đ (Ba triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị C1, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Â và ông Nguyễn Văn Ẩ mỗi người phải chịu 451.429đ (Bốn trăm năm mươi mốt ngàn bốn trăm hai mươi chín đồng), do bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị R là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí đối với phần của mình.

Các mục 2.2, 2.3, 2.4, 2.5, 2.6, 2.7 và 3 thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN